

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2023
V/v yêu cầu giải quyết ly hôn,
cấp dưỡng nuôi con và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Văn Phúc
- Ông Nông Vĩnh Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về yêu cầu giải quyết ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 736/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đàm Thị Đ; sinh năm 1984; địa chỉ: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Đàm Văn Đ1; sinh năm 1984; địa chỉ: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc ủy quyền cho Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Người được ủy quyền lại: Bà Đặng Thị Ngọc L – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q (theo Quyết định số 43/QĐ-NHCS ngày 10/3/2023 về

việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2022, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/01/2023 và ngày 25/4/2023 nguyên đơn Đàm Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Văn Đ1 kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 20/4/2011.

Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4/2022 xảy ra mâu thuẫn, do anh Đ1 đuổi chị ra khỏi nhà, đập hết đồ đạc, đốt hết quần áo của chị và lấy dao dọa giết chị. Mặc dù mâu thuẫn chưa được hòa giải, nhưng vợ chồng ly thân đã lâu, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đàm Văn Đ1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Đ1 có 01 con chung tên là Đàm Vĩnh H, sinh ngày 04/6/2012 hiện nay đang sống với anh Đ1. Sau khi ly hôn anh Đ1 sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, còn chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ1 có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng tổng số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Khi ly hôn chị sẽ có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi đối với số tiền trên, không yêu cầu anh Đ1 phải có trách nhiệm trả nợ cùng.

Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/01/2023 bị đơn Đàm Văn Đ1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ1 xác nhận về điều kiện kết hôn đúng như chị Đ đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nóng tính, hay uống rượu và do chị Đ đi làm công ty không nói chuyện, bàn bạc với anh. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị Đ, muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh xác nhận có 01 con chung như chị Đ trình bày. Trường hợp ly hôn anh sẽ là người trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ1 xác nhận vợ chồng có khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng tổng số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và nhất trí với ý kiến chị Đ sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ cả gốc và lãi đối với số nợ trên, anh không đóng góp, giúp đỡ chị Đ trả nợ.

Ngày 7/4/2023 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Q, tỉnh Cao Bằng có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận của của vợ chồng (chị Đàm Thị Đ và anh Đàm Văn Đ1) đối với khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q theo các hợp đồng tín dụng (mã món vay) số 6600000716362861 ngày 12 tháng 12 năm 2019 và số 6600000713859726 ngày 12 tháng 10 năm 2018 với tổng số tiền nợ là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q có văn bản nhất trí với ý kiến của chị Đàm Thị Đ tự nguyện trả toàn bộ nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh tại Ngân hàng khi hợp đồng đáo hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh, kết quả như sau:

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Anh Đàm Văn K – Trưởng xóm N, xã C, huyện Q cung cấp thông tin về việc anh Đ1 hay uống rượu dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau. Anh Đ1 có đập phá đồ đạc trong nhà và cũng có thông tin anh Đ1 đốt quần áo của chị Đ. Chị Đ đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm B, xã C từ khoảng tháng 02/2022 đến nay.

Về mức thu nhập: Hộ gia đình anh Đàm Văn Đ1 và chị Đàm Thị Đ là hộ nghèo thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã C, theo quy định tại thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì mức thu nhập bình quân đầu người không quá 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Xác minh về các khoản thu nộp của cháu Đàm Vĩnh H tại trường tiểu học C, xã C, huyện Q: Cháu H thuộc diện được miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng. Ngoài ra cháu H phải đóng góp các khoản tiền khác tổng cộng là 685.000đ (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*)/năm.

Luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn gửi đến Tòa án có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị Đ vì mặc dù anh Đ1 thừa nhận cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng có một số mâu thuẫn, do bản thân anh Đ1 là người nóng tính và thỉnh thoảng có sử dụng rượu nên thiếu kiểm soát. Tuy nhiên anh Đ1 không đồng ý ly hôn, vẫn có mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ với chị Đàm Thị Đ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Do vậy, tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn, anh Đ sẽ là người trực tiếp nuôi cháu Đàm Vĩnh H và đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Đàm Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đàm Vĩnh H từ 02 – 03 triệu/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nợ chung cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ sẽ tự thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đàm Thị Đ đề nghị được ly hôn với anh Đàm Văn Đ1 do anh Đ1 có hành vi đánh đập, đuổi chị ra

khỏi nhà, nhiều lần còn dùng dao dọa giết chị. Theo biên bản xác minh ngày 09/5/2023 ông Đàm Văn K - trưởng xóm N, xã C cho biết: tại địa phương anh Đ1 hay uống rượu, vợ chồng hay cãi nhau, anh Đ1 có đập phá đồ đạc, đã có thông tin anh Đ1 đốt quần áo chị Đ...chị Đ đã về nhà mẹ đẻ tại xóm B từ tháng 2/2022 đến nay. Như vậy, anh Đ1 đã không cùng chị Đ vun đắp xây dựng gia đình, không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người cha. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm với anh Đ1, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Đàm Thị Đ được ly hôn với anh Đàm Văn Đ. Về con chung giao cháu Đàm Vĩnh H cho anh Đàm Văn Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, chị Đ tự nguyện trả toàn bộ số nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, các đương sự đều nhất trí nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đàm Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Đàm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đàm Thị Đ và anh Đàm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P (nay là xã C, huyện Q) tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh Đ1 là người nóng tính và thỉnh thoảng có sử dụng rượu nên thiếu kiểm soát.

Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đàm Văn Đ1. Anh Đ1 thừa nhận bản thân nóng tính, hay uống rượu và do chị Đ đi làm công ty không bàn bạc với anh. Kết quả xác minh tại địa phương xác định được việc anh Đ1 hay uống rượu dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau, anh Đ1 có đập phá đồ đạc trong nhà và cũng có thông tin anh Đ1 đốt quần áo của chị Đ. Chị Đ đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại

xóm B, xã C từ khoảng tháng 02/2022 đến nay. Xét thấy hành vi của anh Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đàm Thị Đ.

[2.2]. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Chị Đàm Thị Đ và anh Đàm Văn Đ1 có 01 con chung tên là Đàm Vĩnh H, sinh ngày 04/6/2012. Trường hợp ly hôn chị Đ và anh Đ1 thống nhất giao cho anh Đ1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên cần ghi nhận ý kiến đã thống nhất của các đương sự.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, anh Đ1 yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)/tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hộ gia đình chị Đ, anh Đ1 thuộc diện hộ nghèo do xã C quản lý có mức thu nhập bình quân không quá 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Cháu Đàm Vĩnh H đang theo học lớp 5 trường tiểu học C, xã C, huyện Q thuộc diện được miễn học phí và được hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng, ngoài ra, cháu H phải đóng góp các khoản tiền khác tổng cộng là 685.000đ (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*)/năm. Mặt khác, chị Đ hiện nay là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên việc anh Đ1 yêu cầu buộc chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)/ tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành là không có căn cứ để chấp nhận.

Chị Đ nhất trí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đồng thời cũng đảm bảo nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung:

Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với nợ chung:

Chị Đàm Thị Đ và anh Đàm Văn Đ1 nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng tổng số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) theo các hợp đồng tín dụng (mã món vay) số 6600000716362861 ngày 12 tháng 12 năm 2019 và số 6600000713859726 ngày 12 tháng 10 năm 2018.

Chị Đ tự nguyện sẽ trả toàn bộ số tiền vay và lãi phát sinh, không yêu cầu anh Đ1 phải trả nợ. Anh Đàm Văn Đ1 và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng nhất trí với ý kiến của chị Đ nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Về án phí:

Chị Đàm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và án phí đối với nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên chị Đ thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244, 271, và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đàm Thị Đ đối với bị đơn Đàm Văn Đ

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị Đ được ly hôn với anh Đàm Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Đàm Văn Đ1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Vĩnh H, sinh ngày 04/6/2012 đến tuổi trưởng thành. Chị Đàm Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) từ tháng 7/2023 cho đến khi con đến tuổi trưởng thành.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đàm Thị Đ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đàm Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng với tổng số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh tính đến thời điểm đáo hạn theo các hợp đồng tín dụng (mã món vay) số 6600000716362861 ngày 12 tháng 12 năm 2019 và số 6600000713859726 ngày 12 tháng 10 năm 2018.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Đàm Thị Đ được miễn án phí nên được trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004703 ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền